

TUẦN 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 (10 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng đọc thông qua hoạt động đọc đúng các bài đã học (5 VB, được lựa chọn từ tuần 1 đến tuần 8), đồng thời đọc thêm những VB mới (chủ yếu là truyện ngụ ngôn, truyện cười với nhiều lời thoại của các nhân vật). Thực hiện được các yêu cầu liên quan đến VB đọc.
2. Củng cố kĩ năng nói và nghe thông qua hoạt động nói trong những tình huống cụ thể (rèn các nghi thức lời nói: *nhờ, khen, chúc mừng, an ủi*); kĩ năng nghe và kể lại một câu chuyện.
3. Củng cố và phát triển kĩ năng nghe – viết, kĩ năng viết đoạn văn (giới thiệu về một đồ chơi hoặc đồ dùng gia đình).
4. Rèn kĩ năng chính tả thông qua trò chơi đoán từ (phân biệt *ch/tr, an/ang*).
5. Củng cố kĩ năng vận dụng kiến thức tiếng Việt qua hoạt động mở rộng vốn từ ngữ về đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình; phân biệt từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm của sự vật. Về câu, phân biệt câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm; viết câu nêu đặc điểm hay công dụng của đồ vật, sử dụng dấu câu thích hợp trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

II CHUẨN BỊ

- Khổ giấy lớn và bút để ghi chép dành cho hoạt động nhóm.
- Các lá thăm ghi nội dung bài tập để tổ chức các trò chơi.
- GV thiết kế một đề kiểm tra như ở tiết 9 – 10 in sẵn ra giấy để HS tự làm.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

1. Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài.

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm.
- + HS quan sát tranh: phần cánh hoa bên trong (màu vàng) và cánh hoa bên ngoài (màu hồng), xác định:
Phần cánh hoa bên trong: tên 5 bài đọc (được chọn lọc trong các tuần từ tuần 1 đến 8).
Phần cánh hoa bên ngoài: nội dung của các bài đọc.

- + HS đọc tất cả các nội dung được ghi trên bông hoa.
- + HS ghép nội dung bài với tên bài đọc. (HS có thể xem lại bài đọc nếu cần.)
- Các nhóm thi tìm nhanh đáp án.

Đáp án:

- (1) Tôi là học sinh lớp 2 – (c) Kể về ngày khai trường của một bạn học sinh lớp 2;
 - (2) Niềm vui của Bi và Bống – (a) Kể về niềm vui của hai anh em;
 - (3) Một giờ học – (e) Kể về cậu bé Quang tự tin nói trước lớp;
 - (4) Cái trống trường em – (d) Nói về một đồ vật thân thuộc ở trường học;
 - (5) Cuốn sách của em – (b) Giới thiệu về sách.
- HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.

2. Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi.

- GV chuẩn bị 6 lá thăm, tương ứng với 6 bài đọc;
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc lại 6 VB, sau đó trả lời các câu hỏi.
- Đại diện các nhóm lên bốc thăm, làm theo yêu cầu trong thăm, trình bày trước lớp.

Đáp án:

- + *Tôi là học sinh lớp 2*: Vào ngày khai trường, các bạn thường muốn đến trường sớm vì các bạn cảm thấy háo hức/ cảm thấy muốn được gặp lại thầy cô, gặp lại bạn bè,...
- + *Niềm vui của Bi và Bống*: Dạng câu hỏi mở. Có thể trả lời: Bi và Bống không vẽ tranh cho mình mà lại vẽ tặng cho nhau vì cả hai đều luôn nghĩ đến nhau, người này muốn người kia vui.
- + *Em có xinh không?*: Cuối cùng, voi em nhận thấy bản thân xinh nhất khi là chính mình.
- + *Cầu thủ dự bị*: Theo cách hiểu của gấu, cầu thủ dự bị là người chơi được cho cả hai đội.
- + *Cô giáo lớp em*: Dạng câu hỏi mở. Có thể trả lời, VD: Em thích khổ thơ thứ hai (*Cô dạy em tập viết/ Gió đưa thoảng hương nhài/ Nắng ghé vào cửa lớp/ Xem chúng em học bài*) vì khổ thơ này tả một khung cảnh rất đẹp.
- + *Cái trống trường em*: Trong những ngày hè, trống trường buồn vì nhớ các bạn học sinh.
- HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn. GV chốt đáp án đúng.

TIẾT 3 – 4

3. Nghe – viết

GV thực hiện hoạt động này giống như các bài nghe – viết trước.

4. Trò chơi: Đoán từ

- GV cho HS hoạt động theo nhóm. Mỗi nhóm ghi đáp án của mình vào bảng con. Nhóm nào hoàn thành trước và làm đúng nhiều câu nhất sẽ thắng.

- GV hướng dẫn HS: Đọc một lượt các dòng, có thể vừa đọc vừa đoán. Sau đó ghi đáp án ra bảng con.
- HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt đáp án: a. trống; b. chổi; c. bảng; d. bàn.

5. Viết tên đồ vật trong mỗi hình.

- GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:
 - + Quan sát các đồ vật trong tranh.
 - + Nói tên đồ vật.
 - + Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt đáp án. Tên các đồ vật: cái kéo, khăn mặt, đồng hồ, cái thìa, hộp bút màu, cái đĩa.

6. Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.

- GV cho HS làm việc theo cặp đôi, thực hiện các công việc:
 - + Đọc câu mẫu trong SHS.
 - + Quan sát lại các đồ vật trong tranh ở bài tập 5.
 - + Hỏi và đáp về công dụng của đồ vật.
 - + Một số cặp trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt đáp án. VD: Khăn mặt dùng để làm gì? Khăn mặt dùng để rửa mặt,...

7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm.

- GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:
 - + Đọc các từ ngữ hàng trên (các từ chỉ sự vật).
 - + Đọc các từ ngữ hàng dưới (các từ chỉ đặc điểm).
 - + Chọn các từ ngữ hàng trên sao cho phù hợp với hàng dưới.
 - + Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- (Có thể tổ chức hoạt động theo cách khác. VD: GV viết sẵn các từ ngữ vào 8 tấm thẻ, chuẩn bị thành nhiều bộ, chia nhóm: 8 HS một nhóm, HS trong nhóm ghép các thẻ với nhau).
- GV chốt đáp án: Đôi mắt của bé to tròn, đen láy; Những vì sao lấp lánh trong đêm; Cầu vồng rực rỡ sau cơn mưa; Tóc bà đã bạc.

TIẾT 5 - 6

8. Đóng vai, nói và đáp trong 4 tình huống.

- GV cho HS làm việc cặp đôi, chọn một cặp đôi làm mẫu cho một trường hợp, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:

- + Đọc một lượt 4 tình huống.
- + Đọc từng tình huống và thảo luận đáp án cho mỗi tình huống.
- + GV quan sát các cặp đôi.
- + Một số cặp trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt một vài đáp án. VD:
 - a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi: Cậu nhặt giúp tớ cái bút được không?/ Cậu nhặt hộ tớ cái bút với!... Ừ. Đợi tớ chút. Tớ sẽ nhặt giúp cậu.
 - b. Khen bạn viết chữ đẹp: Bạn viết đẹp thật đấy!/ Chữ của bạn thật tuyệt!... Thế à? Tớ tập viết thường xuyên đấy,...

9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

- GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:
- + Đọc các câu ở cột A. Đọc các kiểu câu ở cột B.
- + GV có thể gợi ý: Câu có chứa từ “là” là câu giới thiệu; câu chứa từ chỉ hoạt động (gặt) là câu nêu hoạt động; câu chứa từ chỉ đặc điểm (chăm chỉ, cẩn thận) là câu nêu đặc điểm.
- + Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt đáp án:
 - + *Bác An là nông dân.* – Câu giới thiệu
 - + *Bác đang gặt lúa.* – Câu nêu hoạt động
 - + *Bác rất chăm chỉ và cẩn thận.* – Câu nêu đặc điểm

10. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

- GV cho HS làm việc nhóm, hướng dẫn HS thực hiện các công việc:
- + Đọc một lượt VB.
- + Đọc lại các câu cần điền dấu câu.
- + Trao đổi với các bạn để chọn dấu câu thích hợp.
- + Đại diện nhóm trình bày kết quả. HS nghe nhận xét của thầy cô và các bạn.
- GV chốt đáp án: *Ăn gì trước?*
 - Hai anh em vừa ăn bánh quy vừa trò chuyện:*
 - Anh: – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước?*
 - Em: – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ.*
 - Anh: – Tại sao vậy?*
 - Em: – Em phải ăn bánh xe trước để cái xe không chạy được nữa. Nếu ăn các bộ phận khác, anh nghĩ cái xe chịu đựng yên cho em ăn nó hay sao?*

TIẾT 7 – 8

11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích.

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh đã được treo hoặc chiếu lên.
- GV cho HS thảo luận nhóm, sau đó gọi một vài HS nói tên câu chuyện dưới tranh.
- GV chốt các đáp án: Tranh 1. Truyện *Chú đỗ con*; Tranh 2. Truyện *Cậu bé ham học*; Tranh 3. Truyện *Niềm vui của Bi và Bống*; Tranh 4. Truyện *Em có xinh không?*
- GV cho mỗi nhóm chọn một câu chuyện để kể trong nhóm. Trước khi kể, GV nhắc HS xem lại câu chuyện trong bài đã học trước đó.
- Một vài nhóm kể chuyện trước lớp.
- GV và HS nhận xét, bình chọn nhóm kể chuyện hay nhất.

12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.

- GV cho HS làm việc cặp đôi, thực hiện yêu cầu:
Một HS hỏi, một HS trả lời về câu chuyện vừa kể, sau đó đổi vai.
VD:
 - Truyện “Niềm vui của Bi và Bống” có mấy nhân vật?
 - Có hai nhân vật, đó là Bi và Bống.
 - Bạn có thích câu chuyện này không? Vì sao?
 - Tổ thích câu chuyện này vì nó rất có ý nghĩa.

TIẾT 9 – 10

13. Đọc *Câu chuyện bó đũa*, trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

HS tự đọc thầm *Câu chuyện bó đũa*. Sau đó làm bài ra phiếu bài tập GV in sẵn.

Đáp án:

a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em thế nào?

Không hoà thuận (phương án 3).

b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con?

Người cha thử thách các con bằng việc bẻ bó đũa.

c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa?

Bốn người con không bẻ gãy được bó đũa vì họ đều cầm cả bó đũa để bẻ.

d. Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào?

Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách tách rời từng chiếc đũa và bẻ từng chiếc một.

e. Người cha muốn khuyên các con điều gì?

Người cha muốn khuyên các con đoàn kết. (Hoặc: ... khuyên các con phải yêu thương, gắn bó với nhau; có như vậy mới tạo ra sức mạnh).

g. Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B.

hoà thuận: êm ấm, không có xích mích

yêu thương: có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng

buồn phiền: buồn và lo nghĩ không yên lòng

h. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

Từ chỉ sự vật: *nhà, bó đũa, túi.*

Từ chỉ hoạt động: *gọi, đặt, bẻ, nói.*

– GV nhận xét và chữa bài cho HS vào một khoảng thời gian thích hợp.

14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

Phần này thuộc đề kiểm tra của bài Ôn tập nên GV có thể để HS tự làm. Nếu thấy cần thiết, GV có thể gợi ý trước khi HS làm bài.

– GV gọi 2 – 3 HS đọc phần gợi ý trong SHS hoặc trong đề kiểm tra in sẵn. HS thảo luận nhóm đôi để trả lời 3 câu hỏi. VD:

+ Đồ vật em muốn giới thiệu là cái quạt máy.

+ Đồ vật này do bố em mua vào đầu mùa hè.

+ Từ ngày có cái quạt máy, em thấy mùa hè đỡ nóng bức hẳn.

HS có thể viết thành đoạn văn. VD: Mùa hè nóng bức đã đến. Hôm nay, bố em đi làm về, mang theo một cái quạt máy. Quạt máy có cái đế tròn, một trụ thẳng đứng để đỡ, bên trên có 3 cánh quạt bằng nhựa và một lồng bảo vệ. Mỗi khi cánh quạt quay vù vù là bao nhiêu cái nóng trong nhà bị xua đi hết. Có cái quạt máy, em ngồi học bài thấy mát mẻ và rất dễ chịu.

– HS tự làm bài vào vở.

– GV nhận xét và chữa một số bài cho HS.

CÙNG CỐ

– GV nhắc lại vấn đề những nội dung HS đã được ôn tập trong 10 tiết:

+ Ôn lại tên các bài đọc, tên các bài kể chuyện.

+ Ôn luyện một số nhóm từ ngữ chỉ sự vật (chỉ người hoặc vật), hoạt động, đặc điểm.

+ Ôn luyện 3 loại câu: câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm (Câu có chứa từ “là” là câu giới thiệu; câu chứa từ ngữ chỉ hoạt động là câu nêu hoạt động; câu chứa từ ngữ chỉ đặc điểm là câu nêu đặc điểm).

+ Ôn luyện về dấu câu: dấu chấm, chấm hỏi. (Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể; dấu chấm hỏi dùng để kết thúc câu hỏi.)

+ Kể lại được một câu chuyện đã học.

– GV hỏi xem HS còn điều gì chưa hiểu hoặc muốn chia sẻ. GV giải đáp.

– GV khen ngợi, động viên HS.